

Số: ~~375~~/QĐ-UBND

Quận 11, ngày ~~15~~ tháng ~~4~~ năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước
quý 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 11**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài Chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;



Xét Tờ trình số 592 /TTr-TCKH ngày 11 / 4 /2024 của Phòng Tài chính
– Kế hoạch quận về công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước
quý 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 11.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện ngân sách nhà nước quý 1 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận 11 (Theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND quận 11, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận 11, Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan thuộc quận có trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

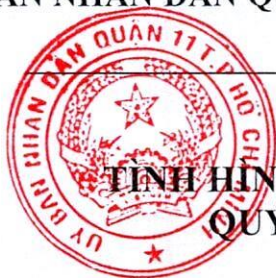
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để báo cáo);
- TT Quận ủy (để báo cáo);
- UBND quận (CT, các PCT);
- UB.MTTQ và các đoàn thể cấp quận;
- Các phòng ban thuộc quận;
- UBND 16 phường;
- VP. UBND, VP Quận ủy;
- Trang thông tin điện tử quận (website quận);
- Lưu: VT, T2,3 (Hồng 100b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trần Bình





THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2024 CỦA UBND QUẬN 11

(Kèm theo Quyết định số **375** /QĐ-UBND ngày **15 / 4** /2024 của Ủy ban nhân dân quận 11)

A. Chi ngân sách quận (Chi thường xuyên):

Tình hình ước thực hiện chi ngân sách nhà nước quận quý 1/2024 là 156.343 triệu đồng, đạt 13% dự toán Thành phố giao (1.244.452 triệu đồng) và đạt 95% so với cùng kỳ. Chi tiết các khoản chi như sau:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 821 triệu đồng đạt 2% dự toán (39.776 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 1.830 triệu đồng đạt 1% dự toán (135.200 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo: 73.235 triệu đồng đạt 13% dự toán (575.469 triệu đồng).
- Sự nghiệp y tế: 6.154 triệu đồng đạt 7% dự toán (83.696 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp văn hóa nghệ thuật: 1.157 triệu đồng đạt 12% dự toán (9.270 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 40 triệu đồng đạt 9% dự toán (450 triệu đồng).
- Chi sự nghiệp xã hội: 24.912 triệu đồng đạt 42% dự toán (59.872 triệu đồng).
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 36.334 triệu đồng đạt 15% dự toán (250.375 triệu đồng).
- An ninh, quốc phòng: 11.860 triệu đồng đạt 22% dự toán (52.755 triệu đồng)/.



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 45/4/2024 của Ủy ban nhân dân quận 11)

ĐVT: triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán 2024	Ước thực hiện Quý 1 năm 2024 (luỹ kế)	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.244.452	156.343	13%	95%
A	Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể	250.375	36.334	15%	106%
I	Chi quản lý nhà nước	188.260	28.285	15%	101%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	70.628	15.441	22%	89%
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	59.310	9.881	17%	95%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	58.322	2.963	5%	837%
II	Đảng	15.905	2.076	13%	131%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	7.622	1.340	18%	103%
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.811	382	21%	136%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	6.472	354	5%	#DIV/0!
III	Đoàn thể	46.210	5.973	13%	126%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	22.671	3.716	16%	104%
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	7.608	1.612	21%	154%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	15.931	645	4%	658%
B	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	575.469	73.235	13%	118%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	272.559	57.252	21%	
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	83.156	4.960	6%	8%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	219.754	11.023	5%	
C	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	83.696	6.154	7%	173%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	17.917	4.264		
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	46.975	1.158	2%	33%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	18.804	732	4%	
D	Chi bảo đảm xã hội	59.872	24.912	42%	48%



S TT	Nội dung	Dự toán 2024	Ước thực hiện Quý 1 năm 2024 (lũy kế)	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	59.872	24.912	42%	48%
E	Chi sự nghiệp kinh tế	39.766	821	2%	67%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	697	210		202%
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	35.943	486	1%	50%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	3.126	125	4%	84%
F	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	135.200	1.830	1%	81%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ				
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	135.200	1.830	1%	81%
G	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	9.270	1.157	12%	102%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	4.616	1.005		
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	450	20	4%	2%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	4.204	132	3%	
H	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	450	40	9%	53%
1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	450	40	9%	53%
2	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương				
L	Chi Quốc phòng - an ninh	52.755	11.860	22%	130%
I	Quốc phòng	37.927	8.557	23%	136%
1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	4.293	672	16%	57%
2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	30.834	7.798	25%	152%
3	Kinh phí chi thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	2.800	87	3%	
II	An ninh	14.828	3.303	22%	118%
1	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	14.828	3.303	22%	118%
M	Khoản chưa phân bổ (dự phòng)	37.599			
1					

